

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2020)
Ông Đinh Việt Đông	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên
Ông Đặng Văn Liễu	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên
Ông Dương Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Hải	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Tá Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Sinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tiến Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Số: 0719 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Đỗ Hồng Dương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		2.795.889.933.406	2.375.366.521.557
I. Tiền	110		58.478.480.507	47.694.393.644
1. Tiền	111	4	58.478.480.507	47.694.393.644
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.282.747.291.700	1.939.747.291.700
1. Đầu tư ngắn hạn	123		2.282.747.291.700	1.939.747.291.700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.982.678.971	89.860.456.179
1. Phải thu khách hàng	131		34.706.653.861	31.819.015.863
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	34.706.653.861	31.819.015.863
2. Trả trước cho người bán	132		2.798.116.101	1.015.730.687
3. Các khoản phải thu khác	136	7	64.758.692.590	62.750.233.389
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.280.783.581)	(5.724.523.760)
IV. Hàng tồn kho	140		1.783.614.998	2.852.348.591
1. Hàng tồn kho	141		1.783.614.998	2.852.348.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.726.853.312	192.376.171.120
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	213.726.853.312	192.376.171.120
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		208.535.290.139	192.376.171.120
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		5.191.563.173	-
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190	8	141.171.013.918	102.835.860.323
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		50.285.218.428	43.620.819.454
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		90.885.795.490	59.215.040.869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		191.917.020.356	194.103.077.331
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.655.966.096	7.014.924.505
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.655.966.096	7.014.924.505
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	216.1		6.000.000.000	6.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	216.2		1.655.966.096	1.014.924.505
II. Tài sản cố định	220		132.105.841.027	122.404.961.892
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	72.014.527.715	62.202.443.706
<i>Nguyên giá</i>	222		133.729.110.270	118.541.261.266
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.714.582.555)	(56.338.817.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	60.091.313.312	60.202.518.186
<i>Nguyên giá</i>	228		65.634.778.877	65.634.778.877
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.543.465.565)	(5.432.260.691)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	44.500.058.302	58.500.058.302
1. Đầu tư dài hạn khác	255		44.500.058.302	58.500.058.302
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.655.154.931	6.183.132.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.655.154.931	6.183.132.632
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.987.806.953.762	2.569.469.598.888

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

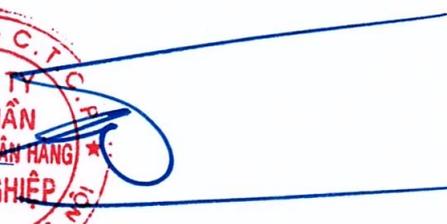
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.942.926.989.138	1.678.394.782.837
I. Nợ ngắn hạn	310		1.942.926.989.138	1.678.394.782.837
1. Phải trả cho người bán	311	12	91.418.208.673	77.367.037.238
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		91.307.874.457	74.511.145.383
1.2. Phải trả khác cho người bán	311.2		110.334.216	2.855.891.855
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	22.714.581.006	15.619.057.670
3. Phải trả người lao động	314		81.057.084.514	66.171.064.281
4. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.1	14	13.377.573.305	11.826.852.256
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.2		25.804.354.034	15.491.016.734
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	16.580.362.282	19.226.667.738
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		83.103.116.054	65.118.826.129
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	16	1.608.871.709.270	1.407.574.260.791
8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1.231.679.610.241	1.104.892.188.295
8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		254.303.387.815	197.724.673.267
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		122.888.711.214	104.957.399.229
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.044.879.964.624	891.074.816.051
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.044.879.964.624	891.074.816.051
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.000.000.000	12.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		248.833.188.964	176.133.188.964
5. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		38.000.000.000	38.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		379.945.175.660	298.840.027.087
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.987.806.953.762	2.569.469.598.888


Nguyễn Thị Hồng Ngọc
Người lập biểu


Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiến Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.701.650.461.058	1.450.008.550.796
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	137.694.852.955	121.271.186.255
3. Thu nhập khác	13	1.768.272.481	569.052.615
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	991.300.210.172	791.218.946.575
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	105.357.132	56.741.793
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	483.123.042.323	477.374.335.287
7. Chi phí khác	24	186.034.928	27.492.766
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	366.398.941.939	303.171.273.245
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	73.379.018.089	60.675.753.202
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	293.019.923.850	242.495.520.043
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.953	4.803



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	19	1.779.150.452.867	1.515.318.882.819
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.905.660.873.074	1.742.510.522.452
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		277.001.739	217.875.785
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		126.787.421.946	227.409.515.418
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	20	106.142.277.261	86.926.491.861
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		112.806.676.235	92.426.346.816
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		6.664.398.974	5.499.854.955
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		1.673.008.175.606	1.428.392.390.958
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		28.642.285.452	21.616.159.838
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		25.608.587.073	21.471.959.451
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		3.033.698.379	144.200.387
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.701.650.461.058	1.450.008.550.796
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		474.572.965.339	384.961.854.689
- Tổng chi bồi thường	11.1		475.670.378.975	386.456.867.193
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		1.097.413.636	1.495.012.504
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		21.764.531.789	11.925.731.208
8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		56.578.714.548	24.219.754.347
9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		31.670.754.621	20.627.487.783
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	21	477.716.393.477	376.628.390.045
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		17.931.311.985	16.503.020.516
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	22	495.652.504.710	398.087.536.014
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		282.143.332.079	244.452.487.865
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		213.509.172.631	153.635.048.149
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		991.300.210.172	791.218.946.575
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		710.350.250.886	658.789.604.221

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

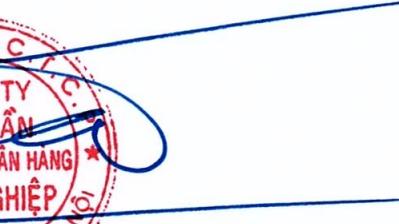
Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	137.694.852.955	121.271.186.255
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	105.357.132	56.741.793
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		137.589.495.823	121.214.444.462
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	483.123.042.323	477.374.335.287
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		364.816.704.386	302.629.713.396
20. Thu nhập khác	31		1.768.272.481	569.052.615
21. Chi phí khác	32		186.034.928	27.492.766
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.582.237.553	541.559.849
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		366.398.941.939	303.171.273.245
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	73.379.018.089	60.675.753.202
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		293.019.923.850	242.495.520.043
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	7.953	4.803


Nguyễn Thị Hồng Ngọc
Người lập biểu


Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiến Hải
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.907.972.714.011	1.722.345.250.668
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.196.832.766.402)	(1.014.058.569.684)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(234.484.191.735)	(270.675.909.935)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(68.239.066.359)	(64.075.940.022)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.223.335.550	15.916.169.932
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(123.503.544.122)	(111.153.637.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	298.136.480.943	278.297.363.615
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.148.669.866)	(1.359.257.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.260.000.000	411.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(860.500.000.000)	(598.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	531.500.000.000	245.568.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	133.981.075.786	107.693.463.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(211.907.594.080)	(245.686.794.301)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả cổ tức cho cổ đông	36	(75.444.800.000)	(43.524.108.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(75.444.800.000)	(43.524.108.939)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	10.784.086.863	(10.913.539.625)
Tiền đầu năm	60	47.694.393.644	58.607.933.269
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	58.478.480.507	47.694.393.644


Nguyễn Thị Hồng Ngọc
Người lập biểu


Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiến Hải
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này